

## **TIẾNG NÓI TÂM LINH TRONG THƠ MỘT SỐ TÁC GIẢ THUỘC THẾ HỆ ĐỔI MỚI**

**Phạm Thị Trịnh**

*Trường THCS Âu Lạc, TP. Hồ Chí Minh*

Ngày nhận bài 21/11/2018, ngày nhận đăng 17/01/2019

**Tóm tắt:** Bài viết trình bày vấn đề tiếng nói tâm linh trong thơ một số tác giả thuộc thế hệ Đổi mới như Nguyễn Quang Thiều, Nguyễn Bình Phương, Mai Văn Phấn, Nguyễn Lương Ngọc, Dương Kiều Minh, Inrasara,... Các tác giả này mô tả, tiếp cận tiếng nói tâm linh như một đối tượng nghệ thuật, một phương tiện sáng tạo để đi sâu vào thế giới bí ẩn của con người. Đó là một thế giới thiêng liêng, bí ẩn, mơ hồ, đối lập với thế giới thực tại. Khai thác, mô tả tiếng nói tâm linh là cách để các nhà thơ hướng tới chiếm lĩnh sâu sắc hơn đời sống tinh thần, tư tưởng, nội tâm của con người hiện đại. Cảm hứng sáng tạo về tiếng nói tâm linh cũng đã góp phần tạo nên những thay đổi rất đáng chú ý trên phương diện hình thức thơ của các tác giả thế hệ Đổi mới, từ kết cấu, đến ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu...

### **I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

“Thế hệ Đổi mới” là một thuật ngữ mang tính quy ước, nhằm chỉ thế hệ nhà thơ Việt Nam xuất hiện và thành danh chủ yếu vào thời kỳ Đổi mới (sau 1986). Về độ tuổi, họ chủ yếu thuộc thế hệ 5X, 6X. Các sáng tác của họ thể hiện một quan niệm và thi pháp sáng tạo mới, có nhiều điểm khác biệt so với thế hệ chống Mỹ trước đó. Đó là một thế hệ hội tụ khá nhiều cá tính nghệ thuật độc đáo như Nguyễn Quang Thiều, Nguyễn Bình Phương, Mai Văn Phấn, Nguyễn Lương Ngọc, Dương Kiều Minh, Inrasara,... Trong thơ của các tác giả này, tiếng nói tâm linh đã trở thành một phương diện thẩm mỹ nổi bật và hết sức đáng chú ý. Họ mô tả, tiếp cận tiếng nói tâm linh vừa như một đối tượng, vừa như một phương tiện sáng tạo để đi sâu vào thế giới bí ẩn của con người. Đó là một thế giới thiêng liêng, bí ẩn, mơ hồ. Khai thác, mô tả tiếng nói tâm linh là cách để các nhà thơ hướng tới chiếm lĩnh sâu sắc hơn đời sống tinh thần, tư tưởng, nội tâm của con người hiện đại. Xuất phát từ những đổi mới trong tư tưởng, quan niệm về đời sống, con người và bản chất sự sáng tạo, việc xem tâm linh như một đối tượng thẩm mỹ trong thơ cũng đã góp phần tạo nên những thay đổi rất đáng chú ý trên phương diện hình thức thơ của các tác giả thế hệ Đổi mới, từ kết cấu đến ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu...

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tập trung khảo sát sáng tác của một số tác giả tiêu biểu của thời kỳ Đổi mới, cụ thể là: Nguyễn Quang Thiều, Nguyễn Bình Phương, Mai Văn Phấn, Nguyễn Lương Ngọc, Dương Kiều Minh, Inrasara. Đây là những tác giả nổi bật, có bề dày sáng tác và có những đóng góp không thể phủ nhận cho sự đổi mới của thơ Việt Nam sau 1986.

## II. NỘI DUNG CHÍNH

“Tâm linh” là gì? Cần hiểu khái niệm này như thế nào? Theo chúng tôi, tâm linh là cái cao cả trong cuộc đời thường, là niềm tin hướng về cái thiêng liêng trong cuộc sống, đặc biệt trong tín ngưỡng, tôn giáo. Trong công trình *Văn hóa tâm linh*, Nguyễn Đăng Duy quan niệm: “Tâm linh là cái thiêng liêng cao cả trong cuộc sống đời thường, là niềm tin thiêng liêng trong cuộc sống tín ngưỡng tôn giáo. Cái thiêng liêng, cao cả, niềm tin thiêng liêng ấy được đọng lại ở những biểu tượng, hình ảnh, ý niệm” [2; tr. 12]. Tiếng nói tâm linh là một phần đời sống tinh thần gần gũi nhưng đầy bí ẩn của con người. Tiếng nói tâm linh thường gắn với khát vọng hướng tới một cõi sống thiêng liêng, cao cả, giúp con người có niềm tin để vượt qua trở lực của đời sống trần tục, tạo nên một sự cân bằng cần thiết trong đời sống tinh thần của cá nhân và nuôi dưỡng, hoàn thiện tâm hồn họ. Trong bài phát biểu khai mạc Hội thảo khoa học với chủ đề “Văn học và văn hoá tâm linh”, nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Điệp đã nhận định: “Về bản chất, tâm linh phải được coi là một phương diện quan trọng của đời sống tinh thần, là niềm tin hướng tới cái thiêng, thể hiện khát vọng vươn tới cái toàn năng, bất tử của con người... Vì hướng tới cái thiêng, cái vô hạn, nhưng trong thực tế không thể đạt tới, nên cái thiêng trở thành đích đến và có khả năng vẫy gọi. Nó trở thành một ám ảnh thường xuyên trong vô thức của con người” [3; tr. 17]. Tiếng nói tâm linh là một chủ đề khá nổi bật trong sáng tác của nhiều tác giả Việt Nam thời kỳ Đổi mới đến nay, trong đó, đặc biệt là các sáng tác thi ca. Đây có thể xem là một điểm đổi mới nổi bật trong thơ thời kỳ này. Nhà nghiên cứu Trần Đình Sử khẳng định: “Văn học và văn hóa tâm linh (mysterious culture) vốn có mối liên hệ khăng khít trong lịch sử bất cứ dân tộc nào. Một thời gian dài do quan niệm duy vật thô sơ, cực đoan, đồng nhất văn học với nhận thức khoa học, với chính trị, chúng ta chẳng những bài xích các hiện tượng tâm linh nói chung, xem là mê tín dị đoan, mà còn phê phán chúng như những hiện tượng phi/phản khoa học, phi lí tính cả trong đời sống và cả trong văn học. Nhưng từ Đổi mới đến nay, khi quan niệm áu trĩ được khắc phục dần, lại thêm mở cửa giao lưu rộng rãi với văn hóa thế giới, yếu tố tâm linh lại trở về với văn học, và hôm nay trở thành đề tài nghiên cứu khoa học. Sự đổi thay ấy hoàn toàn có cơ sở” [4; tr. 41].

Quả thực, với nhiều tác giả thuộc thế hệ Đổi mới, vô thức, tâm linh được quan niệm, nhận thức như một đối tượng nghệ thuật cần chiếm lĩnh, và hơn thế, như một phương tiện sáng tạo hiệu quả để đào sâu hơn vào đời sống tinh thần phong phú, bí ẩn của con người. Đây là một nội dung hầu như vắng bóng ở nền thơ ca Cách mạng 1945 - 1975. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên do, trong đó đặc biệt là do hoàn cảnh chiến tranh và quan niệm sáng tạo tương ứng. Bước vào thời hậu chiến và Đổi mới, những thay đổi to lớn trong tình hình đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... cũng tác động nhiều tới các cây bút. Tâm linh được quan niệm như một hiện tượng khách quan của đời sống con người và đã được nhận thức lại một cách sâu sắc và công bằng hơn. Qua con mắt tâm linh, người ta có điều kiện để nhìn sâu hơn vào đời sống nội tâm của cá nhân, để suy ngẫm, nhận diện về những vẻ đẹp tinh thần bí ẩn, sâu xa, trường cửu, để nhận thức sâu hơn về các giá trị sống thiêng liêng, cao cả... Bên cạnh đó, quan niệm sáng tạo của nhiều cây bút thời kỳ này cũng có những chuyển biến, cách tân mạnh mẽ. Thơ giờ đây, với nhiều tác giả, không phải là khúc tráng ca trên chiến hào mà là tiếng nói tinh thần của con người cá nhân, cá thể. Tuy nhiên, dù đi sâu vào những khúc khuỷu sâu kín nội tâm,

vào những vùng mờ hư ảo của tâm linh, họ vẫn tìm thấy vang hưởng của tiếng nói của một cộng đồng lớn lao - tiếng nói của nhân quần, nhân loại. Sáng tạo về những vùng tâm linh hư huyền, với họ, là một cách để tìm tòi, phát hiện đầy đủ hơn về chính đời sống nội tâm, tư tưởng cá nhân, cũng là của nhân loại, cũng là một cách để mở rộng phạm vi hiện thực mô tả. Đó là cái “hiện thực bên trong” - hiện thực của tinh thần, nội tâm, đối lập với cái “hiện thực bên ngoài” - hiện thực của những cuộc đấu tranh giai cấp, chính trị... Như vậy, viết về hiện thực tâm linh cũng là một cách để người nghệ sỹ mở rộng con đường tìm kiếm, sáng tạo nghệ thuật. Từ đây, thay vì những đề tài, chủ đề mang tính sử thi, họ quan tâm hơn tới đời sống thế sự, đời tư của con người. Thay vì những đề tài chính trị lớn lao, mang tính tập thể, cộng đồng, họ chú trọng hơn đến việc đi sâu tìm kiếm, khai thác tiếng nói nội tâm, bản thể của cái tôi cá nhân. Và cũng rất tự nhiên, từ sự tập trung quan tâm tới con người xã hội - chính trị trước đó, họ chuyển mối quan tâm sang con người - tư tưởng (theo nghĩa rộng), con người - tâm linh.

Tóm lại, đây không chỉ là một sự thay đổi đơn thuần xuất phát từ bối cảnh lịch sử xã hội. Trên thực tế, đây là một bước chuyển mạnh mẽ trong quan niệm sáng tạo của người nghệ sỹ thế hệ Đổi mới. Nó xuất phát từ quan niệm và nhu cầu nhận thức về đời sống tinh thần của con người một cách đầy đủ hơn, đa chiều hơn, và do đó, cũng trở nên sâu sắc và nhân bản hơn.

Với nhu cầu mở rộng thế giới mô tả, các nhà thơ thế hệ Đổi mới nỗ lực tìm tòi vươn tới bề sâu của vĩa tầng còn ẩn khuất của đời sống và tinh thần con người để khai thác, tái hiện, chiếm lĩnh. Họ luôn khao khát lý giải, khám phá về bản chất thế giới từ đằng sau cái hiện thực bề mặt được nhìn thấy, và mong muốn từ những hiện tượng, sự vật rời rạc, xa lạ, nhận ra những mối liên hệ ở bề sâu trực giác, tâm linh. Đó là lý do khiến họ đặc biệt quan tâm đến tiếng nói tâm linh bí ẩn trong đời sống con người. Nhu cầu và ý thức sáng tạo này đã tạo nên nhiều nét khác biệt trong nội dung cũng như thi pháp của nhiều tác giả thuộc thế hệ Đổi mới. Cũng từ đây, một thế giới thiêng liêng, bí ẩn, lạ lùng, gắn liền với những cảm xúc hướng thượng, cao cả... thường hiện diện trong thơ của họ. Đó là một thế giới đối lập với thế giới hiện hữu trần tục của con người. Nó thường gắn liền với những hình ảnh về cõi mơ, cõi huyền nhiệm, xứ sở của những điều u linh, cái chết...

Tiếng nói tâm linh trong thơ Dương Kiều Minh hiện hữu ngay trong không gian ký ức của ông. Trong tập thơ đầu tay năm 1989 - *Củ lửa*, Dương Kiều Minh luôn nhắc về quê hương, tuổi thơ của mình với những hình ảnh dòng sông, cánh đồng, khu vườn, mộ cha, mộ mẹ: *Nhiều khi buồn nức nở/ngón cánh đồng bên dòng sông Hồng cuộn đỏ/có nắm mồ cha/nắm mồ mẹ/đấy có hương/và đây có hương... (Cổ hương)*. Cánh đồng có đám tang, có ngôi mộ: *Nắm mồ không dòng mộ chi/nhòa trên cánh đồng/lẽ nào là mẹ... (Bộc bạch III)*; *Đám tang đưa tiễn mẹ tôi vào một ngày mưa lạnh ngón ngang cánh đồng gặt dở... (Chạnh niềm thôn dã)*; *Cánh đồng nơi đây, nơi cha yên nghỉ, tuổi thơ con ngày ngày tha thân bên nắm mồ cha nằm... (Khúc tưởng niệm)*. Đối với Dương Kiều Minh, không gian xám lạnh đầy u buồn đó là hoài niệm của tuổi thơ một đi không trở lại. Cũng là hình ảnh dòng sông, cánh đồng nhưng cả một thế giới làng quê cùng hình ảnh, nhà cửa, mồ mã, bến sông, cánh đồng, đám ma, hình ảnh người bà, người đàn bà gánh nước đêm... trong thơ Nguyễn Quang Thiều, tất cả đều như chìm trong một giấc mơ đầy huyền ảo, dị thường: *Cổ xe tang trôi mãi vào cơn mê/Những con rồng gỗ vảy vàng*

bay lên trong tiếng kèn, tiếng trống... con nhìn thấy bà nội mặc áo tơ tằm ngồi giữa ngàn ngọn nến/Bà rót một bình nước mưa trong để đợi con về” (**Âm nhạc**). Không gian làng quê rộng lớn có hình ảnh dòng sông gắn liền với hình ảnh cánh đồng, có con sông Đáy hiền hòa cùng cánh đồng rau khúc, tiếng con chim quốc... đó là ký ức ám ảnh không nguôi của Nguyễn Quang Thiều. Hành trình về miền ký ức của Nguyễn Quang Thiều vừa huyền hoặc vừa đậm màu cổ tích và mang đầy tính nghi lễ: *Tôi khóc những mùa rau khúc thiêng liêng phủ đầy mưa xuân như phủ đầy cám bếp/Nơi mãi mãi giấu vùi hơi thở của bà tôi (Tôi khóc những cánh đồng rau khúc); Tôi quỳ xuống vốc cát vào mắt/Tôi khóc/Cát từ mắt tôi chảy xuống dòng dòng (Sông Đáy)*. Với Nguyễn Bình Phương, những hình ảnh xuất hiện trong thơ rất quen thuộc, gần gũi nhưng bỗng nhiên biến hóa không biết ở thế giới nào, ở trần gian hay âm giới: *Khung cửa hẹp bỗng làm anh hồi hộp/Có một người trở về sau ánh chớp/Lặng lẽ mang đi hư ảnh cuối cùng (Bâng quơ)*. Trong thơ tác giả này, những hình ảnh tưởng như thân quen bỗng trở nên ma quái: *Cuối cùng/chiếc gương cũng trào ra những bóng hình ứ đọng (Ở nơi không có cánh)*. Đọc thơ Nguyễn Bình Phương chúng ta có cảm giác những nhân vật, hình ảnh đang chuyển động trong không gian mộng mị hết sức dị kỳ...

Mộng mị, tưởng tượng và linh cảm là biểu hiện cụ thể nhất của tiếng nói tâm linh trong thơ Mai Văn Phấn. Đó cũng là tiếng nói của vô thức, trực giác trong thơ tác giả này. Dù là trong bất cứ hình ảnh, không gian, khung cảnh nào, hiện thực cuộc sống hay trong không khí lãng mạn của tình yêu đều được nhà thơ giải bày thông qua những cảm giác ma mị lạ lùng: *Lỡ vin vào bóng mây qua/Lỡ nghe đăm đúi tiếng ma gọi đò (Gom nhặt cuối mùa); Nơi ấy da thịt em đã ngủ, bởi trong anh có tâm linh thì thâm/Em lần theo bóng mây trôi/Thăm qua sóng lá vô hồi... Hư vô thành yêu em... Em gọi chổi chang bên kia sông mơ, con thuyền anh bỗng thành con chó nhỏ (Em xa)*. Mai Văn Phấn không chỉ dừng ở việc khao khát mơ tưởng mà ông còn muốn mình được trải nghiệm với những cảm giác vô thức trong từng giấc mơ, tưởng tượng hồn rời khỏi xác, để lang thang khắp nơi, để hòa hồn mình cùng cảnh vật, hoa, lá, cỏ, cây, hòa cùng thời gian.

Trong các nhà thơ Đổi mới, không chỉ có Mai Văn Phấn đi tìm hiện thực qua giấc mơ, phản ánh hiện thực qua trực giác tâm linh mà cả Nguyễn Lương Ngọc cũng đi rất xa đến cõi bí ẩn mơ hồ của tâm giới, linh giới. Ngay từ đầu Nguyễn Lương Ngọc đã nhận ra chiều sâu tăm tối, bí ẩn, khó nắm bắt của tâm giới con người. Nguyễn Lương Ngọc chú ý ngay đến nụ cười của hình ảnh Di Lạc sứ: *Ông cười/không thấy tiếng/tiếng ấy tắt rồi/hay nó đâu đâu ngoài cõi người (Di Lạc sứ)*. Sự sống, cái chết qua cách diễn tả của ông đối lập với nhau một cách dị thường, nhất là khi chúng được biệt hóa qua những cảm giác cá thể: *“Cuộc sống lạnh lẽo sao/Cuộc chết ấm áp sao” (Lời hát)*. Đọc thơ Nguyễn Lương Ngọc chúng ta thường bắt gặp những lời thơ hay nói về chôn nương thân cuối cùng, cái chết hay tận cùng của cuộc đời. Cái chết thường trở đi trở lại, khi như một ý nghĩ bất chợt, khi như một tiếng nói mơ hồ từ cõi xa thăm: *Những con đã sinh ra thì đã chết/Những con chưa chết thì chưa sinh ra (Gọi hạc); Anh không thể cất mình lên nổi/Hay chọn đây làm chỗ gửi thân (Tìm gập)*.

Đặc biệt đáng chú ý là Inrasara, thi sỹ, nhà nghiên cứu, người mang văn hóa Chăm hòa nhập cùng xã hội hiện đại. Inrasara sinh ra và lớn lên tại miền đất với nhiều hình ảnh đền đài, tượng tháp. Inrasara viết về vùng đất Chăm trong niềm say mê, cảm xúc về tình yêu quê hương tha thiết. Inrasara đã giúp người đọc cảm nhận một nền văn

hóa Chăm với nhiều hình ảnh đèn đài, tượng tháp linh thiêng, một thánh địa qua *Tháp nắng* (1996), *Sinh nhật cây xương rồng* (1997), *Hành hương em* (1999), *Lễ tẩy trần thánh tư* (2002)... Innasara cho rằng: “Người không học thấy tháp là tháp, người có học thấy tháp vẫn là tháp, chỉ riêng thi sĩ thấy tháp là chim”. Nhà thơ viết: *Đôi lúc/nửa đêm/tôi nghe tháp mọc ngang trời/Như giấc mộng như loá mắt/ tháp có mặt/như chớp xé như âm vang/Bóng của tháp như dòng sông ma/trườn qua đêm tối những triều đại/dánh thức ký ức các dân tộc/duyên nợ (hay cả không nợ nần gì) với tháp; với “Tháp hoang” thì; “nổi cộm giữa chiều trời ma quái/ung nhọt trên làn da mềm mại/thảm rùng già xanh”*.

Về lối viết, các nhà thơ thế hệ Đổi mới đã sử dụng ngôn ngữ, kết cấu, giọng điệu rất đa dạng, biến hóa. Trong thơ Dương Kiều Minh, ranh giới giữa quá khứ và hiện tại; giữa mơ và thực rất mong manh, là sự hòa trộn hiện thực và ký ức. Kết cấu đồng hiện, liên tưởng đa tuyến là kết cấu chủ đạo trong thơ Dương Kiều Minh. Ông thường sử dụng giấc mơ, huyền tưởng, tưởng tượng để giãi bày tiếng nói nội tâm: *Mơ mơ cánh đồng thơ ấu/không không không cả bóng người/không bước chân ngày ngày đại/câu bé bây giờ về nơi?(Cánh đồng thơ ấu)*; *Con nằm ngủ như nàng công chúa út/lang thang qua những lâu đài/cây lá um tùm/cơ man là gió/cơ man là nắng.../cánh rừng (Giấc mơ)*. Trí tưởng tượng và những giấc mơ cũng tràn ngập trong thơ Nguyễn Quang Thiều (*Trong giấc ngủ muộn, Nhịp điệu châu thổ mới, Âm nhạc...*). Những cánh đồng, dòng sông qua trí tưởng tượng trở nên mênh mông, rộng lớn gắn với nhiều ký ức của tuổi thơ. Nguyễn Bình Phương tưởng tượng *Nhập chiều, Vọng từ giá sách, Người chèo đò lạnh...* là âm vọng của tiếng động, của giọng nói.

Thơ Mai Văn Phan tạo nên một không gian chập chờn giữa thực và ảo, ở đó những hình ảnh, mảng màu được gọi về từ cõi tâm linh. Trong không gian giấc mơ huyền ảo ấy “anh” thấy mình nhảy nhót như con thú hoang: *Trong giấc mơ có anh/Bên em không hề biết/Anh xoay mình khắp những tán cây/Con dốc ven hồ, Vạt hoa trinh nữ/Con thú hoang nhảy nhót trong mơ (Em đừng thức giấc)*. Có thể nói, không gian trong thơ Mai Văn Phan là không gian mơ hồ, không bên, không bờ và không giới hạn. Nguyễn Lương Ngọc tạo nên một khoảng trống, mơ hồ hóa về nghĩa trong thơ, với các câu thơ rời rạc, có những âm thanh kéo dài, lặp lại: *Trong mơ đau thắt ngực/Hình xưa lững thững về... Mơ, mơ/Chân đâu/Mình đâu/Buồn tiên cảm hát chân câu lưu thủy (Tiên cảm)*; *Yêu không thể giải thoát/A...a...a...A...a...a/Người là người, ta là ta/Ta là người, người là ta/A...a...a...A...a...a (Lời hát)*.

Thơ Dương Kiều Minh dày đặc những từ đặc tả tính chất hư ảo “mơ”, “không”, “ai”: *Mơ mơ cánh đồng thơ ấu/không không không cả bóng người (Cánh đồng thơ ấu)*; *Ai gọi tên? Mơ vậy/Người đâu ngờ nợ quen (Niềm nhớ)*. Nguyễn Quang Thiều thường sử dụng những thán từ: “Ồi”, “hời”; những biện pháp tu từ liên tưởng, so sánh, nghịch dị, nhân hóa: *Sông Đáy ơi! Chiều nay tôi trở lại (Sông Đáy)*. Mai Văn Phan thường sử dụng cấu trúc thơ tự do, thơ không có vần điệu. Hình thức thể hiện này cho thấy nhà thơ không muốn bị đóng khung trong một khuôn mẫu nào mà tự do tưởng tượng, bay bổng: *Những bông lau/Phơ phất/Từ không định/Bay vào hư vô... (Tạ ơn bông lau)*. Liên tưởng, so sánh cũng là thế mạnh của Mai Văn Phan, tạo nên sự độc đáo trong thơ ông: *Lỡ vin vào bóng mây qua/Lỡ nghe đấm đuổi tiếng ma gọi đò (Gom nhặt cuối mùa)*. Cách sử dụng từ ngữ gây ảo giác, mộng mị; lối diễn đạt gây ám ảnh, mơ hồ; cách dùng điệp từ đặc

trung trong thơ Nguyễn Bình Phương: *Đom đóm lập lòe bay qua thành phố/Để lại nụ cười mơ hồ xanh (Áo đêm); Tường chói tiếng nói chói (Miêu tả những ngày nắng); Mơ theo mưa mưa dất anh đi (Chớp mắt Huế)*... Dù mỗi nhà thơ có cách kiến tạo câu, đoạn thơ khác nhau, rất biến hóa, nhưng tựu trung, những lối diễn tả đa dạng đó đều có tác dụng gọi lên một không gian hư ảo, lạnh lẽo đến lạ lùng, đến rợn ngợp.

Đi sâu vào thế giới tâm linh, các nhà thơ có thể bộc bạch mọi ẩn ức, dẫn vật trong đời sống thực. Đọc thơ Dương Kiều Minh, chúng ta cảm nhận thơ ông tràn ngập nỗi buồn, luôn tràn trọc, dẫn vật, giằng xé cho thấy một đời sống nội tâm không thanh thản. Ông coi đời chỉ là cõi tạm, gửi ở đây con người thực thể nhưng tâm hồn sống trong hoài niệm, bơ vơ cô độc và không khi nào không buồn. Nỗi buồn và cô độc khiến cái tôi đắm sâu trong triết lý. Phoi trải trên những trang thơ ấy là rất nhiều suy tư về phận người, cõi đời. Nhưng trong nỗi buồn đó, ta bắt gặp trong thơ ông luôn bèn bị niềm tin hướng về cái đẹp và những giá trị tinh thần trường cửu. Với Nguyễn Quang Thiều, thơ được dựng nên trong một trí tưởng tượng mênh mông hoang dại, giữa những hình ảnh, sự vật như không tồn tại bất kỳ mối liên hệ nào nhưng vẫn có một sự liên kết nội tại đầy bí ẩn. Giữa cái thực và cái ảo, dữ dội và nên thơ, quen thuộc và kỳ dị, mơ hồ và thấu suốt... Tất cả phối trộn vào nhau tạo nên một cảm giác lạ lùng, mơ hồ như sự cất tiếng của giấc mơ đẹp và dữ dội đến ngạt thở. Cũng như Dương Kiều Minh, Nguyễn Quang Thiều luôn hướng về quê hương của mình với nỗi nhớ da diết và tình cảm thành kính của người con tha phương. Thơ Mai Văn Phấn gửi gắm khát vọng về sự tái sinh, vẹn nguyên, thanh khiết, trong sạch và con người trở về bản ngã chân thật. Có lẽ, đó cũng là niềm mong mỏi của ông về sự sống vẹn toàn, giá trị thiêng liêng của hơi thở, của cánh hoa, tiếng chim, nhựa sống, của đất đai, của nước, ánh sáng, bóng tối, cơn mưa, tia nắng. Nguyễn Lương Ngọc không phủ nhận việc hợp nhất giữa sự sống và cái chết, giữa đời sống trần tục và cõi tâm linh, giữa cái phù du và vĩnh cửu. Điều này lý giải tại sao thơ Nguyễn Lương Ngọc luôn có những motif đối lập giữa cái chết và sự tái sinh, sự ra đi và trở về như: *“Run rẩy như vùa sinh lại...” (Cảm nhận); “Từ nước sinh ra/Mai có nước ta về” (Từ nước)*. Với Inrasara, ngũ yên hay còn phiêu bạt trong quá khứ tìm về cội nguồn Chăm, tìm về thánh địa để làm hồi sinh một nền văn minh từng bị lãng quên và lu mờ: *Ôi! Linh hồn thánh Mươi/mà giấc mơ được tạc từ bóng hoa dại/dã rụng lâu rồi ở đời tuổi thơ/đêm nay chợt sáng lên run rẩy (Những linh hồn thánh mươi)*. Thơ Nguyễn Bình Phương, Inrasara,... Cũng thể hiện được chiều sâu của tâm thức khi đi vào thế giới tâm linh.

### III. KẾT LUẬN

Như vậy, trong phần nội dung chính, chúng tôi đã tập trung giới thuyết về tiếng nói tâm linh trong thơ một số tác giả tiêu biểu của thế hệ Đổi mới, mô tả, phân tích những biểu hiện của tâm linh - như một đối tượng thẩm mỹ đặc thù - trong thơ những tác giả này, trên các phương diện chính như đề tài, cảm hứng, ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu... Từ những phân tích và lý giải cụ thể, chúng tôi nhận thấy, những tác phẩm văn học viết về thế giới tâm linh chung, thơ tâm linh nói riêng, thường tạo được chiều sâu ám ảnh trong tâm thức người đọc. Những điều thiêng liêng, cao cả hiện lên qua những hình ảnh, biểu tượng, ý niệm thể hiện khát vọng vươn tới thế giới thanh sạch và tĩnh tâm. Để diễn tả tiếng nói tâm linh, ngôn ngữ thơ cũng trở nên mơ hồ, u tối, mờ nhòe, chủ yếu hướng đến việc gọi hơn là kê, tả, về một thế giới không thể mơ hồ và lạ lùng hơn, trong

nội tâm con người. Chính vì thế, việc đọc thơ của các nhà thơ thế hệ Đổi mới trở nên khó khăn hơn. Nhưng, từ một góc nhìn khác, đó cũng là một yếu tố tạo nên sức hấp dẫn riêng của những cây bút trong nền thơ ca Việt Nam đương đại.

Tóm lại, khai thác, mô tả tiếng nói tâm linh như một đối tượng thẩm mỹ, các nhà thơ hướng tới cái đích có thể chiếm lĩnh sâu sắc, rộng rãi hơn đời sống tinh thần, nội tâm con người hiện đại và điều đó cũng góp phần tạo nên sự khác biệt khá rõ trên phương diện đề tài, chủ đề, lối viết của các nhà thơ thế hệ Đổi mới so với thế hệ cầm bút trước đó.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Việt Chiến, *Thơ Việt Nam tìm tòi và cách tân 1975 - 2015*, tái bản lần thứ nhất, NXB Hội Nhà văn, Công ty văn hóa Đất Việt, 2016.
- [2] Nguyễn Đăng Duy, *Văn hóa tâm linh*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2001.
- [3] Nguyễn Đăng Điệp, “Văn học và văn hóa tâm linh trong tiến trình lịch sử”, *Văn học và văn hóa tâm linh*, Kỷ yếu hội thảo, NXB Khoa học xã hội, 2018, tr. 13-25.
- [4] Trần Đình Sử, “Văn học và văn hóa tâm linh”, *Văn học và văn hóa tâm linh*, Kỷ yếu hội thảo, NXB Khoa học xã hội, 2018, tr. 41-50.

## SUMMARY

### THE VOICE OF SPIRIT IN POEMS OF THE “INNOVATION” GENERATION WRITERS

Some writers in the “Innovation” generation used the voice of spirit as an artistic object, a creative medium to access the mystery of the human mind - a sacred, mysterious and ambiguous world opposed to the reality human beings’ experience. The writers, namely Nguyễn Quang Thiều, Nguyễn Bình Phương, Mai Văn Phấn, Nguyễn Lương Ngọc, Dương Kiều Minh, Inrasara, etc. are supposed to employ their exploration and narration of the voice of spirit to acquire deeper understandings of the modern man’s spiritual life, ideology and internal life as a whole. When it comes to the voice of spirit as a poetic object, it is these same ‘Innovation’ generation writers’ inspiration that made critical contributions to poetry stylistics in terms of word combination, linguistic styles, images and tones, etc.